TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU
Bản án số: 158/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21-9-2017
" V/v Xin ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Khiết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hợp
2. Ông Bùi Hữu Khánh
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Văn Mil - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017. Về việc "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Ngọc Â** - Sinh năm 1992 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh **Trương Chí Ng** - Sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Phạm Ngọc Â và Anh Trương Chí Ng kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Úy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 05 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do chị Â phát hiện anh Ng có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường bất đồng về quan điểm, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 04 năm 2017 đến nay. Nay Chị Â xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh

phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung. Nên yêu cầu được ly hôn với Anh Trương Chí Ng.

Về con chung: Chị Phạm Ngọc Â xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2014 hiện nay đang sống với chị Â. Khi ly hôn Chị Â yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Ng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2017 chị Â xác định chị và anh Ng có tài sản chung là 06 chỉ vàng 24k do bà Phan Thị T là mẹ ruột anh Ng đang quản lý. Sau khi ly hôn chị yêu cầu bà T trả lại cho chị và anh Ng số vàng trên để chị và anh Ng chia đôi. Đến ngày 25 tháng 8 năm 2017 chị Â có đơn yêu cầu xin rút lại toàn bộ phần yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Ng do chị và anh Ng, bà T đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Â xác định anh và Anh Ng không có nợ ai và củng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận định của Tòa án về các vấn đề cần giải quyết của vụ án như sau:

[1] Tranh chấp giữa Chị Phạm Ngọc Â và Anh Trương Chí Ng là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trương Chí Ng có địa chỉ tại ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Theo Chị Phạm Ngọc Â trình bày chị và Anh Trương Chí Ng kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Úy ban nhân dân xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Chị Phạm Ngọc Â có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của Chị Â đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên Anh Trương Chí Ng và bà Phan Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập Anh Ng, Bà T hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập Anh Ng, Bà T đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố

tụng tại phiên tòa, nhưng Anh Ng, Bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với Anh Trương Chí Ng và bà Phan Thị T.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa Chị Â cho rằng nguyên nhân mâu thuẩn là do chị Â phát hiện anh Nguyện có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên thường bất đồng về quan điểm, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, nên chị và Anh Ng đã ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay là thời gian dài nhưng Anh Ng không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án xét thấy Anh Trương Chí Ng đã được thông báo về việc Chị Â yêu cầu ly hôn với anh, nhưng Anh Ng không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Chị Â. Điều đó chứng tỏ mâu thuẩn của Anh Ng và Chị Â đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho Chị Â được ly hôn với Anh Trương Chí Ng.

Về con chung: Chị Phạm Ngọc Â xác định chị và anh Ng có 01 con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2014. Hiện cháu Gia H đang ở với chị Ân, sau khi ly hôn Chị Â yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tòa án xét thấy Anh Trương Chí Ng đã được thông báo về việc Chị Â yêu cầu ly hôn với anh, yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, nhưng Anh Ng không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của Chị Â. Xét thấy, cháu Gia H sống với chị Â đã ổn định về mặt tinh thần cũng như về tâm lý, hơn nữa cháu Gia H hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ để cháu phát triển ổn định về mặt tâm lý một cách bình thường. Chị Â yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được chấp nhận. Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2014 cho chị Phạm Ngọc Â tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ng không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Gia H tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về tài sản chung: Do Chị Â xin rút lại tòa bộ phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 điều 217 Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chị Â.

Về nợ chung: Chị Â xác định chị và anh Ng không nợ ai và củng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị Â và Anh Ng có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Chị Â và Anh Ng đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình Chị Phạm Ngọc Â phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 217, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Phạm Ngọc Â được ly hôn với Anh Trương Chí Ng.

[2]Về con chung: Giao cháu Trương Gia H sinh ngày 07 tháng 10 năm 2014 cho chị Phạm Ngọc Â tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trương Chí Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Gia H tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Đối với số tiền nêu trên kể từ ngày chị Phạm Ngọc Â có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trương Chí Ng không thi hành thì anh Ng phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

[3] Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chị Phạm Ngọc Â.

Về nợ chung: Chị Â xác định chị và anh Ng Không nợ ai và củng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này Chị Â và Anh Ng có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Chị Â và Anh Ng đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc Â phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003684 ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Phạm Ngọc Â còn được nhận lại 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trương Chí Ng phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp). Nộp tại Chi cục thi hành án dấn ự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Chí Ng và bà Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết